TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hạnh;

2. Ông Đinh Um.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Đinh Văn Ngãi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020, về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Xuân P, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Trần Duy T, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị P có mặt tại phiên tòa; anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn ghi ngày 28 tháng 8 năm 2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 17/4/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị Xuân P trình bày:*

Chị P và anh T kết hôn vào ngày 20/4/2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2017 đến nay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, hiện nay chị và anh T đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị P và anh T có 02 người con chung tên là Trần Thị Xuân T, sinh ngày 26/01/2001, Trần Võ Xuân T, sinh ngày 17/4/2003. Nếu ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi cháu T và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Cháu T đã trên 18 tuổi, cơ thể phát triển bình thường nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Duy T trình bày:*

Điều kiện kết hôn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa anh T và chị P đúng như chị P đã trình bày, nay chị P cương quyết ly hôn với anh T thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị P có 02 người con chung đúng như chị P đã trình bày, anh T đồng ý giao cháu Trần Võ Xuân T, sinh ngày 17/4/2003 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Cháu Trần Thị Xuân T, sinh ngày 26/01/2001 đã trên 18 tuổi nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Võ Thị Xuân P được ly hôn với anh Trần Duy T.

- Về con chung: Giao con chung Trần Võ Xuân T, sinh ngày 17/4/2003 cho chị Võ Thị Xuân P trực tiếp nuôi dưỡng; anh Trần Duy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2020. Cháu Trần Thị Xuân T, sinh ngày 26/01/2001 đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Xuân P, anh Trần Duy T không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Võ Thị Xuân P, anh Trần Duy T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn" đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Trần Duy T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Xuân P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.3] Tại phiên tòa bị đơn anh Trần Duy T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Xuân P và anh Trần Duy T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị P và anh T đều thừa nhận cuộc sống chung của anh, chị có mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Chị P xác nhận hiện nay hai người đã sống ly thân, điều đó chứng tỏ chị P và anh T đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị P yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị P yêu cầu được nuôi cháu Trần Võ Xuân T, sinh ngày 17/4/2003 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, anh T cũng đồng ý với yêu cầu của chị P. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu T cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp; anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2020. Anh T có

quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cháu Trần Thị Xuân T, sinh ngày 26/01/2001 đã trên 18 tuổi, cơ thể trí tuệ phát triển bình thường chị P, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Xuân P, anh Trần Duy T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị Xuân P phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Trần Duy T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*).

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Xuân P và anh Trần Duy T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Võ Xuân T, sinh ngày 17/4/2003 cho chị Võ Thị Xuân P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Duy T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Võ Thị Xuân P để nuôi cháu T với số tiền 3.000.000 đồng/ tháng(Ba triệu đồng trong một tháng) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 9 năm 2020.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Trần Duy T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí*:* Chị Võ Thị Xuân P phải chịu số tiền 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) chị P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004853 ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba

Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Trần Duy T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*).

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 08/9/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huy